

QUYẾT ĐỊNH

Về việc cấp giấy phép cắt xẻ đê để thi công công qua đê tại các vị trí K0+747 và K1+343 đê tả sông Hoàng thuộc công trình nâng cấp tuyến đê tả sông Hoàng, xã Quảng Ngọc - Quảng Vọng, huyện Quảng Xương

CHỦ TỊCH UBND TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Đê điều ngày 29/11/2006; Luật Xây dựng ngày 18/6/2014;

Căn cứ Nghị định số 113/NĐ-CP ngày 28/6/2007 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đê điều;

Căn cứ Quyết định số 373/QĐ-UBND ngày 29/01/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc công bố chuẩn hóa thủ tục hành chính lĩnh vực Thủy lợi thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Thanh Hóa;

Căn cứ Quyết định số 4260/QĐ-UBND ngày 30/10/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt danh mục chủ trương sửa chữa, cải tạo các công trình thuộc nguồn vốn an toàn hồ đập, xử lý đê địa phương giai đoạn 2019-2021;

Xét đề nghị của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Công văn số 898/SNN&PTNT-TL ngày 17/3/2020 và UBND huyện Quảng Xương tại Công văn số 282/UBND-QLDA ngày 26/02/2020 (kèm theo hồ sơ) về việc cấp giấy phép cắt xẻ đê để thi công công qua đê tại các vị trí K0+747 và K1+343 đê tả sông Hoàng thuộc công trình nâng cấp tuyến đê tả sông Hoàng, xã Quảng Ngọc - Quảng Vọng, huyện Quảng Xương,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp giấy phép cắt xẻ đê để thi công công qua đê tại các vị trí K0+747 và K1+343 đê tả sông Hoàng thuộc công trình nâng cấp tuyến đê tả sông Hoàng, xã Quảng Ngọc - Quảng Vọng, huyện Quảng Xương, với các nội dung chính như sau:

1. Tên hạng mục công trình: Công qua đê tại các vị trí K0+747 và K1+343 đê tả sông Hoàng thuộc công trình nâng cấp tuyến đê tả sông Hoàng, xã Quảng Ngọc - Quảng Vọng, huyện Quảng Xương.

2. Chủ đầu tư: UBND huyện Quảng Xương.

3. Nhà thầu thi công: Công ty cổ phần xây dựng Tiến Đạt.

4. Vị trí xây dựng: Tại K0+747 và K1+343 thuộc tuyến đê tả sông Hoàng, xã Quảng Ngọc - Quảng Vọng, huyện Quảng Xương.

5. Kích thước hố móng và các chỉ tiêu thiết kế chủ yếu:

5.1. Cống tại K0+747:

- Kích thước hố móng:

+ Cao trình đỉnh đê hiện trạng tại vị trí xây dựng cống: (+2.60) m.

+ Mái mở móng: $m = 1,5$.

+ Cao độ đáy cống: (+0.40) m.

+ Chiều dài cắt đê tại mặt đê: $L = 10,65$ m.

+ Chiều dài cắt đê tại đáy hố móng: $L = 2,7$ m.

- Các chỉ tiêu thiết kế chủ yếu:

+ Hình thức cống hộp một cửa, khẩu diện cống $b \times h = (1,2 \times 1,4)$ m; thân cống dài $L = 110$ m.

+ Thân cống bằng bê tông cốt thép (BTCT) M250; cửa vào, dốc nước, bể tiêu năng, sân sau tiêu năng bằng BTCT M250 và bê tông thường M200; nền thân cống, cửa vào, dốc nước, bể tiêu năng, sân sau tiêu năng được đóng cọc tre $\Phi(6-8)$ cm, dài $L = 3,5$ m; khớp nối thân cống bằng PVC; đóng mở cống phía sông và phía đồng bằng cửa van phẳng, vận hành bằng ổ khóa V3 và V5.

5.2 Cống tại K1+343:

- Kích thước hố móng:

+ Cao trình đỉnh đê hiện trạng tại vị trí xây dựng cống: (+3.02) m.

+ Mái mở móng: $m = 1,5$.

+ Cao độ đáy cống: (+0.60) m.

+ Chiều dài cắt đê tại mặt đê: $L = 11,12$ m.

+ Chiều dài cắt đê tại đáy hố móng: $L = 2,36$ m.

- Các chỉ tiêu thiết kế chủ yếu:

+ Hình thức cống tròn 1 cửa, $\Phi 0,8$ m; thân cống dài $L = 11,8$ m.

+ Thân cống bằng bê tông ly tâm đúc sẵn đặt trên móng BTCT M250, dưới lót 10 cm bê tông thường M100; cửa vào, dốc nước, bể tiêu năng, sân sau tiêu năng bằng bê tông thường M200; nền thân cống, cửa vào, dốc nước, bể tiêu năng, sân sau tiêu năng được đóng cọc tre $\Phi(6-8)$ cm, dài $L = 3,5$ m; vận hành đóng mở cống bằng ổ khóa V3.

(Có hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công kèm theo)

6. Thời gian hoàn thành hạng mục công trình: Trước ngày 30/4/2020.

Điều 2. Tổ chức thực hiện:

Chủ đầu tư chịu trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện xây dựng cống qua đê tại các vị trí K0+747 và K1+343 đê tả sông Hoàng thuộc công trình nâng cấp tuyến đê tả sông Hoàng, xã Quảng Ngọc - Quảng Vọng, huyện Quảng Xương đảm bảo theo thiết kế được duyệt và các quy định hiện hành về đầu tư

xây dựng.

Trong quá trình triển khai các bước tiếp theo, yêu cầu chủ đầu tư thực hiện một số nội dung sau:

- Chỉ đạo đơn vị tư vấn thiết kế bổ sung con phai dự phòng để vận hành công khi có sự cố; bổ sung đắp đất sét luyện xung quanh thân công; xây dựng quy trình vận hành đóng mở công, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định.

- Chịu trách nhiệm tổ chức, chỉ đạo nhà thầu thi công theo đúng Quyết định cấp phép của UBND tỉnh, đảm bảo chất lượng, tiến độ, kỹ, mỹ thuật, an toàn cho công trình và đoạn đê trong quá trình thi công và khai thác, sử dụng.

- Trước khi xây dựng công trình, chủ đầu tư thông báo cho Chi cục Thủy lợi biết để cử lực lượng quản lý đê theo dõi, giám sát quá trình thực hiện.

- Ngoài việc thi công xây dựng công trình theo Quyết định cấp giấy phép của UBND tỉnh, chủ đầu tư và nhà thầu thi công không được tiến hành bất kỳ hoạt động nào khác trong phạm vi bảo vệ đê điều, bãi sông, lòng sông làm ảnh hưởng đến an toàn đê điều và thoát lũ lòng sông.

- Sau khi hoàn thành công trình, trong thời gian 15 ngày, chủ đầu tư và nhà thầu thi công phải chịu trách nhiệm hoàn trả lại mặt bằng, thanh thải toàn bộ các vật liệu, phế thải trong phạm vi bảo vệ đê điều, lòng sông, bãi sông, vệ sinh môi trường theo hiện trạng ban đầu, đồng thời gửi hồ sơ hoàn công về Chi cục Thủy lợi để theo dõi, phục vụ công tác phòng chống lụt, bão.

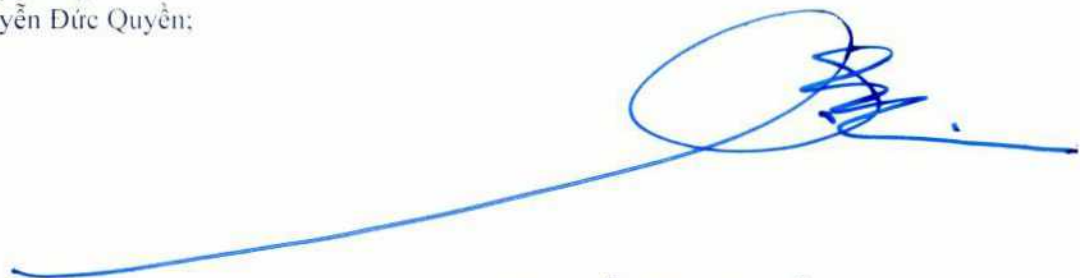
Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Chi cục trưởng Chi cục Thủy lợi; Chủ tịch UBND huyện Quảng Xương và Thủ trưởng các đơn vị liên quan có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 QĐ;
- Chủ tịch UBND tỉnh (để b/c);
- PCT UBND tỉnh Nguyễn Đức Quyền;
- Lưu: VT, NN.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Đức Quyền